

Số: /KH-BCĐCĐS Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2024

Thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2024, Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024 và các kế hoạch liên quan; Chủ tịch UBND tỉnh – Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang (sau đây viết tắt là Ban chỉ đạo) năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Chỉ đạo, điều phối các ngành, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh; trong đó xác định cụ thể các nội dung công việc, công tác phối hợp, trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện chủ đề chuyển đổi số quốc gia năm 2024 về phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; tiếp tục duy trì và nâng cao chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số năm 2024; từng bước thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030. Các mục tiêu cụ thể gồm¹:

1. Phát triển chính quyền số

- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 60%.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%.
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 70%.
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện đạt 100%.

¹ Tại các Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/12/2023 và Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 11/01/2024 và Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt trên 50%.
- Tỷ lệ công bố, công khai TTHC đúng hạn đạt 100%.
- Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn đạt 100%.
- Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng đạt 100% đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, 95% đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện và 80% đối với UBND cấp xã.
- 100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.
- Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh xây dựng Cổng thông tin điện tử là công thành phần của UBND huyện, thị xã, thành phố đạt 100%.
- 100% hệ thống camera giám sát tại bộ phận một cửa điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối với Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu hệ thống camera an ninh tỉnh Bắc Giang (Nền tảng camera tỉnh Bắc Giang đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

2. Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- 100% sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

3. Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên 80%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 90%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 75%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.

4. An toàn, an ninh mạng

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đạt 100%.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ trên 50%.

(Chi tiết phân công chủ trì theo dõi thực hiện chỉ tiêu tại Phụ lục kèm theo)

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện môi trường số: Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý và nâng cao năng lực tham mưu quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển hạ tầng số: Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số đảm bảo đồng bộ, an ninh, an toàn hệ thống và dữ liệu phục vụ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ số: Triển khai hiệu quả và phát triển các nền tảng số, ứng dụng số, dịch vụ số trong các ngành, lĩnh vực; phát triển và đẩy mạnh ứng dụng công dân số VNeID, ứng dụng thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số cá nhân, đặc biệt lĩnh vực thuế, phí, lệ phí.

4. Duy trì, vận hành hoạt động thông suốt, đảm bảo an toàn an ninh cho Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bắc Giang; xây dựng Hệ thống quản trị thực thi trên các nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành.

5. Phát triển dịch vụ công trực tuyến: Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với 53 dịch vụ công thiết yếu.

6. Phát triển dữ liệu số, kết nối số: Đẩy mạnh việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; xây dựng CSDL ngành, lĩnh vực; tiếp tục thực hiện mở dữ liệu của các ngành, phát triển Cổng dữ liệu mở tỉnh. Duy trì việc kết nối, tích hợp, chia sẻ CSDL chuyên ngành, hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh với các CSDL quốc gia.

7. Phát triển kinh tế số: Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; kết nối, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tham gia sàn thương mại điện tử.

8. Phát triển xã hội số: Chỉ đạo lan tỏa thông tin tốt, kiểm soát chặt chẽ các thông tin trên mạng xã hội; kịp thời phối hợp, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng mạng xã hội đăng tải thông tin xấu độc, thông tin thiếu kiểm chứng, sai sự thật; đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân, đưa người dân lên môi trường số.

9. Phát triển nhân lực số: triển khai hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

10. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng: Tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và bảo vệ người dân.

III. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

a) Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số:

- Tiếp tục tập trung nâng cao công tác chỉ đạo tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, đặc biệt ở vùng nông thôn và vùng xa.

- Tiếp tục phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo lan tỏa các thông tin tích cực trên môi trường mạng; phối hợp với các cơ quan báo chí của tỉnh, trung ương tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung về chuyển đổi số của tỉnh.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh quy mô cấp tỉnh; tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2024.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách về chuyển đổi số:

- Trình UBND tỉnh ban hành: Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang; Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác và đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang.

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành: Quyết định ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Giang (*bổ sung các CSDL của các ngành mới xây dựng hoàn thiện năm 2023 thay thế Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 26/4/2023*); Quyết định ban hành Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang năm 2024; Kế hoạch Tổ chức Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2024; Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang phiên bản 3.0.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chuyển đổi số:

- Thực hiện nhiệm vụ thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh, tham mưu tổ chức các hội nghị họp Ban Chỉ đạo định kỳ theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo và trao đổi học tập kinh nghiệm hợp tác với một số tỉnh, thành phố về chuyển đổi số.

- Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của UBND tỉnh về chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Thường xuyên rà soát, phát hiện, triển khai, hướng dẫn và nhân rộng các mô hình chuyển đổi số ở cơ sở có cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả cho các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo duy trì, tiếp tục kết nối, khai thác hiệu quả dữ liệu hiện đang được chia sẻ qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP) và kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương; các quy định của tỉnh về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đặc biệt, tăng cường chỉ đạo, đảm bảo việc lập Đề cương dự toán chi tiết, Dự án đảm bảo chất lượng theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện khảo sát, đánh giá, chấm điểm chỉ số DTI, trình Chủ tịch

UBND tỉnh Kết quả đánh giá xếp loại mức độ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước năm 2024.

c) Duy trì, vận hành, phát triển hạ tầng số:

- Duy trì, vận hành hoạt động của Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang phục vụ chuyển đổi số của các CQNN trên địa bàn tỉnh; rà soát hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, khảo sát nhu cầu sử dụng tài nguyên phục vụ chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương để chủ động xây dựng, triển khai phương án đảm bảo tài nguyên lưu trữ, năng lực xử lý đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, phát triển, nâng cao chất lượng hạ tầng mạng WAN, mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức làm việc với các doanh nghiệp viễn thông để có chính sách, giải pháp nâng cao tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%, tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 90%.

d) Duy trì, vận hành, phát triển dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ số dùng chung:

- Duy trì, vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bắc Giang, Kho dữ liệu số của tỉnh; xây dựng Hệ thống quản trị thực thi trên các nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành.

- Đảm bảo việc vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được thông suốt; hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp về thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Tiếp tục duy trì, cập nhật, phát triển hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh, Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành công việc, Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, Hệ thống họp trực tuyến, Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống CSDL dùng chung tỉnh Bắc Giang (GIS); duy trì, phát triển Hệ thống chứng thực chữ ký số, đẩy mạnh ứng dụng ký số trên địa bàn tỉnh...

- Mua bản quyền công nghệ nhận dạng ký tự quang học (OCR) dùng chung cho các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng Nền tảng giao tiếp số giữa Chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng Hệ thống CSDL dùng chung ngành Thông tin và Truyền thông.

- Thuê tổng đài số để phục vụ việc tiếp nhận, xác thực thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Xây dựng Hệ thống nâng cao năng lực xử lý, lưu trữ dữ liệu.

- Tiếp tục xây dựng Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu của Hệ thống Camera an ninh (*Mua sắm hệ thống máy chủ, phần mềm để triển khai thực hiện hệ thống trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu*).

đ) Phát triển nguồn nhân lực số:

Triển khai “Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” năm 2024 để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chuyên trách về CNTT, bảo đảm an toàn thông tin mạng và Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp.

e) Đảm bảo an toàn thông tin:

- Chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện, thành phố hoàn thành 100% việc phân loại, xác định, phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ **xong trước 01/6/2024**.

- Thực hiện thuê Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) để giám sát, quản lý bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, đảm bảo 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

- Đầu tư, mua sắm phần mềm diệt virus có bản quyền để cài đặt cho các máy chủ, máy trạm đảm bảo quy định.

- Tiếp tục tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố, xây dựng các phương án ứng cứu, xử lý sự cố tấn công mạng cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

2. Giám đốc Công an tỉnh

- Tập trung lãnh đạo, quyết tâm, quyết liệt chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Cơ quan thường trực Tổ công tác Đề án 06 tỉnh đã giao tại Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐTTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Bắc Giang năm 2024 đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Công an.

- Tiếp tục khai thác, vận hành, mở rộng Hệ thống camera an ninh phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện dự án “Chuyển đổi số phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025”.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin của các ngành, địa phương theo cấp độ đảm bảo quy định của pháp luật.

- Thực hiện giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tập trung thực hiện giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Đẩy mạnh rà soát, kiến nghị, đề xuất các phương án đơn giản hóa TTHC và quy định có liên quan đang còn vướng mắc, bất cập hoặc không còn phù hợp, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát các nội dung khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh hiện trường liên quan đến chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị xây dựng phần mềm sớm cập nhật, hoàn thiện để phần mềm vận hành đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện hạ tầng, nguồn lực thực tiễn của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản, chính sách của Chính phủ và của tỉnh tại mục “Chuyển đổi số” trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh góp phần giúp người dân, doanh nghiệp theo dõi, nắm bắt được các thông tin chỉ đạo mới nhất của tỉnh.

4. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, lĩnh vực, xác định bộ dữ liệu về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh hiển thị trên dashboard của Hệ thống tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội, đảm bảo phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh; phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị phát triển phần mềm sớm hoàn thiện Hệ thống tổng hợp thông tin kinh tế xã hội của tỉnh trên cơ sở bộ dữ liệu về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh, kết quả tham khảo các đơn vị đã triển khai hiệu quả hệ thống và các điều kiện đặc thù của địa phương.

- Tiếp tục hỗ trợ việc đăng ký và thành lập doanh nghiệp công nghệ số mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số về thủ tục gia nhập thị trường; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển ứng dụng, sử dụng các sản phẩm công nghệ số; giới thiệu doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số (SMEDx) và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về chuyển đổi số.

5. Giám đốc Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh trong việc bố trí kinh phí đảm bảo kịp thời từ ngân sách các cấp để thực hiện Kế hoạch.

- Duy trì, phát triển và đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ các hệ thống CSDL, phần mềm ngành tài chính: Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách, phần mềm quản lý và điều hành ngân sách nhà nước, CSDL quốc gia về giá, Hệ

thống quản lý tài sản công, phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm kế toán ngân sách xã... đảm bảo triển khai đồng bộ, phát triển với hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh cũng như trên CSDL quốc gia.

6. Giám đốc Sở Công Thương

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, người dân tham gia chương trình chuyển đổi số và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phối hợp với các sàn thương mại điện tử hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh và khởi tạo gian hàng, đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử lớn trong nước và nước ngoài nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng nông sản, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh.

- Tiếp tục cập nhật dữ liệu vào phần mềm CSDL về Chuyên trang TMĐT tỉnh Bắc Giang tích hợp trên hệ thống Cổng thông tin điện tử Sở Công Thương; tiếp tục cập nhật thông tin lớp CSDL quy hoạch, hạ tầng công nghiệp và thương mại, hạ tầng về đường dây, trạm điện trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang.

7. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tích hợp, kết nối, liên thông phục vụ chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Duy trì, vận hành ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) gồm hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và các cơ sở dữ liệu thành phần (*CSDL thông tin quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, CSDL thống kê kiểm kê đất đai, CSDL giá đất*, hệ thống cơ sở dữ liệu kho lưu trữ tài nguyên và môi trường, hệ thống quan trắc môi trường tự động).

- Tiếp tục số hóa và chuẩn hóa thông tin để hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của huyện Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang trong năm 2024 để đảm bảo lộ trình theo Đề án 06/CP.

- Thực hiện thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang.

- Xây dựng CSDL ngành tài nguyên môi trường: Xây dựng CSDL đất đai của huyện Lục Ngạn và Sơn Động (*hoàn thành chậm nhất trong Quý III/2025*); Xây dựng CSDL tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (*big data, data lake*) nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về tài nguyên và môi trường; Số hóa hồ sơ lưu trữ.

8. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo, thúc đẩy, khuyến khích các doanh nghiệp, HTX, nông dân ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành từ đó hình thành các doanh nghiệp số, hợp tác xã số, nông dân số, nông thôn số; hướng dẫn, khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp tập trung vào các sản phẩm OCOP, sản phẩm hàng hóa chủ lực, những sản phẩm đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, VietGAP...

- Tiếp tục xây dựng thí điểm các mô hình sản xuất kết nối nông nghiệp thông minh, quản lý theo chuỗi, kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản, ứng dụng

công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, ứng dụng IoT để hỗ trợ theo dõi, giám sát và tự động hóa quá trình canh tác, sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành quản lý nông nghiệp và nông thôn; tiếp tục triển khai Trung tâm giám sát, điều hành quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đảm bảo kết nối đến Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bắc Giang để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành.

9. Giám đốc Sở Xây dựng

- Xây dựng Kế hoạch triển khai lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh sau khi Bộ Xây dựng ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hướng dẫn áp dụng BIM trong hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, tổ chức thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh trở lên (*bao gồm các Đồ án: Quy hoạch chung đô thị; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng có mức độ ảnh hưởng lớn đến phát triển đô thị trên địa bàn*) theo nguồn vốn được tỉnh giao năm 2024 làm cơ sở để thu hút đầu tư, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch đúng quy định.

10. Giám đốc Sở Giao thông vận tải

- Duy trì, vận hành CSDL quản lý giám sát hành trình xe ô tô vận tải hàng hóa, vận tải hành khách; CSDL Giấy phép lái xe thống nhất toàn quốc, phần mềm cấp phù hiệu xe... hoạt động nghiệp vụ đảm bảo triển khai đồng bộ với hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh cũng như trên CSDL quốc gia.

- Xây dựng CSDL ngành GTVT, cập nhật thông tin CSDL ngành Giao thông vận tải trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang.

11. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc các Chương trình khoa học công nghệ về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0; triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh về chuyển đổi số.

12. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo tuyên truyền các điển hình tiên tiến, cách làm hay, sáng tạo trong việc thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục tạo sự đồng thuận và tích cực hưởng ứng của người dân.

- Xây dựng hệ thống CSDL ngành giáo dục và triển khai tích hợp các hệ thống quản lý nhà trường vào hệ thống CSDL ngành.

- Tiếp tục phát triển CSDL Bài giảng điện tử, hệ thống trường học số, công

cụ chuyên đổi số toàn diện phục vụ đổi mới hoạt động dạy và học cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai nghiên cứu và chuẩn bị các điều kiện để triển khai ứng dụng AI trong dạy học từ năm 2025.

13. Giám đốc Sở Y tế

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo tuyên truyền các điển hình tiên tiến, cách làm hay, sáng tạo trong việc thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế tạo sự đồng thuận và tích cực hưởng ứng của người dân.

- Xây dựng phần mềm quản lý điều hành tại Sở y tế phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế: Xây dựng kho CSDL Y tế tập trung và tích hợp với kho CSDL dùng chung của tỉnh; Xây dựng công cụ thu thập dữ liệu y tế từ tất cả các cơ sở y tế; Xây dựng hệ thống báo cáo điều hành thông minh (dashboard) phục vụ công tác chỉ đạo chuyên môn ngành y tế.

- Xây dựng và triển khai phần mềm tin học quản lý hoạt động Trạm y tế xã, kết nối liên thông và chia sẻ thông tin với các hệ thống thông tin bệnh viện, hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR).

- Nâng cấp hệ thống trang thiết bị để tiếp tục triển khai hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y tế (PACS, LIS) hệ thống quản lý bệnh án điện tử (EMR) và triển khai cho các Bệnh viện, TTYT trên địa bàn tỉnh.

14. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Duy trì, phát triển CSDL và hệ thống thông tin Văn hoá, di tích, du lịch.

15. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện tiếp tục tổ chức dịch vụ chi trả xây dựng phương án chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt (*quy trình thực hiện, điều kiện hạ tầng, mạng lưới rút tiền, tiện ích thanh toán...*) theo Kế hoạch chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt của tỉnh.

- Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lý thị trường lao động và CSDL về lao động việc làm, bảo hiểm thất nghiệp tỉnh Bắc Giang.

16. Giám đốc Sở Nội vụ

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ngành, UBND huyện, thành phố rà soát, kiện toàn đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin hoàn thành trong tháng 6/2024.

- Tổ chức các khóa đào tạo kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức ứng dụng hiệu quả các nền tảng chuyên đổi số dùng chung của toàn ngành nội vụ tỉnh gồm: Hệ thống Phần mềm Quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang; Hệ thống Phần mềm theo dõi, đánh giá, xác định chỉ số CCHC (PAR Index) của các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và

UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Hệ thống phần mềm CSDL phục vụ tổ chức bộ máy và biên chế thống nhất trong toàn hệ thống chính trị tỉnh Bắc Giang.

17. Bí thư Tỉnh đoàn Bắc Giang

- Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Đề án Nâng cao năng lực số cho thanh, thiếu niên; phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của các cấp bộ đoàn trong chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh; hằng quý tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án.

- Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, năng lực số và vai trò của tổ chức đoàn trong chuyển đổi số; tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, sự quan trọng, cấp thiết của việc nâng cao năng lực số; tuyên truyền lợi ích của việc chuyển đổi số, năng lực số trong đời sống nhằm tăng cường sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp và toàn xã hội, thúc đẩy nhu cầu tự thân của thanh, thiếu niên trong việc nâng cao năng lực số.

- Tổ chức các hoạt động phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của các cấp bộ đoàn trong chuyển đổi số, tham gia thúc đẩy thực hiện xã hội số. Tiếp tục triển khai, củng cố hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của đoàn viên, thanh niên trong tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng. Tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; chuyển giao hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ nông sản, đặc biệt là nông sản đặc trưng của tỉnh thông qua các sàn thương mại điện tử; thực hiện công tác thống kê rà soát các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương, danh sách các hộ sản xuất nông nghiệp để có phương án phối hợp với các đơn vị liên quan đưa lên các sàn thương mại điện tử.

- Quyết liệt triển khai các hoạt động tuyên truyền thanh toán không dùng tiền mặt trong đoàn viên, thanh thiếu nhi và người dân, phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt, tổ chức các hoạt động truyền thông về sử dụng dịch vụ Mobile-Money.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ **trước ngày 25** của tháng cuối quý, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch này, báo cáo Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

- Làm tốt công tác kiểm soát các dự án đầu tư, mua sắm và thuê các thiết bị, phần mềm... phục vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo và quy định; tăng cường công tác hướng dẫn, thẩm định và nghiệm thu đưa vào sử dụng các chương trình, dự án đầu tư, mua sắm phục vụ chuyển đổi số có sử dụng vốn ngân sách, đảm bảo đúng quy định, đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

2. Thủ trưởng các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào thực tiễn, điều kiện nguồn vốn, kinh phí được cấp năm 2024, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc tham gia phối hợp phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng nội dung, tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban chỉ đạo - Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số của cơ quan, đơn vị mình.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương; các quy định của tỉnh về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đặc biệt, tăng cường chỉ đạo, đảm bảo việc lập Đề cương dự toán chi tiết, Dự án đảm bảo chất lượng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thường xuyên rà soát các cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực quản lý, thường xuyên chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất điều chỉnh, bổ sung kịp thời các dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào Danh mục dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của tỉnh.

- Hoàn thành 100% việc phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ **trước 01/6/2024**.

3. Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉ đạo về chuyển đổi số, triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về chuyển đổi số, duy trì việc họp Ban Chỉ đạo theo quy chế; tổ chức ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, dịch vụ số, hạ tầng số của tỉnh để quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt trên toàn tỉnh; tiếp tục tập trung nâng cao công tác chỉ đạo tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, đặc biệt ở vùng nông thôn và vùng xa.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao hiệu quả thực hiện các dịch vụ công trực tuyến của địa phương đạt và vượt mức các chỉ tiêu được giao năm 2024, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện; nghiên cứu, nhân rộng sáng kiến cải cách hành chính ở xã Hương Mai huyện Việt Yên để triển khai thực hiện tại địa phương, chú trọng vào các sáng kiến nổi bật như: "Trợ lý ảo" hỗ trợ người dân và doanh nghiệp giải quyết TTHC trên nền tảng zalo, cấp "thẻ dịch vụ công" cho người dân, tích hợp mã QR và liên kết chức năng nộp hồ sơ trực tuyến...

- Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông

nghiệp, nông thôn trên địa bàn theo hướng dẫn tại Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 và Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với ngành giáo dục và y tế tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế.

- Chỉ đạo, yêu cầu các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào Kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương; các quy định của tỉnh về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đặc biệt, tăng cường chỉ đạo, đảm bảo việc lập Đề cương dự toán chi tiết, Dự án đảm bảo chất lượng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Hoàn thành 100% việc phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ **trước 01/6/2024**.

4. Chế độ thông tin, báo cáo

- Định kỳ (*trước ngày 15 của tháng cuối quý*) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo - Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung thì kịp thời báo cáo, đề xuất Trưởng Ban chỉ đạo - Chủ tịch UBND tỉnh (*thông qua Sở Thông tin và Truyền thông*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Các DN bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX. *Dùng*.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Ánh Dương

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BCĐ ngày 01/3/2024 của BCĐ chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang)

| STT | Chỉ tiêu | Chủ trì theo dõi, đánh giá | Chủ trì thực hiện |
|----------|---|---------------------------------------|---|
| I | Phát triển chính quyền số | | |
| 1 | Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt tối thiểu 80% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành |
| 2 | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 60% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 3 | Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 4 | Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 70% | Chánh Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 5 | Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 6 | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 7 | Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện đạt 100% | Giám đốc Sở Tư pháp | UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 8 | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt trên 50% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành |

| STT | Chỉ tiêu | Chủ trì theo dõi, đánh giá | Chủ trì thực hiện |
|------------|--|---------------------------------------|--|
| | | | phố, xã, phường, thị trấn |
| 9 | Tỷ lệ công bố, công khai TTHC đúng hạn đạt 100% | Chánh Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 10 | Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 11 | Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn đạt 100% | Chánh Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 12 | Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 90% | Chánh Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 13 | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng đạt 100% đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, 95% đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện và 80% đối với UBND cấp xã | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 14 | 100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành |
| 15 | 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| 16 | Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành |

| STT | Chỉ tiêu | Chủ trì theo dõi, đánh giá | Chủ trì thực hiện |
|------------|---|--|---|
| 17 | Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh xây dựng Công thông tin điện tử là công thành phần của UBND huyện, thị xã, thành phố đạt 100% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | UBND xã, phường, thị trấn |
| 18 | 100% hệ thống camera giám sát tại bộ phận một cửa điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối với Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu hệ thống camera an ninh tỉnh Bắc Giang (Nền tảng camera tỉnh Bắc Giang đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Văn phòng UBND tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| II | Phát triển kinh tế số | | |
| 1 | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 15% | Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố |
| 2 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50% | Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh |
| 3 | Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10% | Giám đốc Sở Công Thương | UBND huyện, thị xã, thành phố |
| 4 | 100% sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước | Giám đốc Sở Công Thương | UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn |
| III | Phát triển xã hội số | | |
| 1 | Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên 80% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh |
| 2 | Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 90% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh |
| 3 | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 75% | Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang | Các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh; các DN viễn thông trên địa bàn tỉnh cung cấp mobile money |

| STT | Chỉ tiêu | Chủ trì theo dõi, đánh giá | Chủ trì thực hiện |
|------------|--|---------------------------------------|---|
| 4 | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95% | Giám đốc Sở Y tế | UBND huyện, thị xã, thành phố |
| IV | An toàn, an ninh mạng | | |
| 1 | Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đạt 100% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố |
| 2 | Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ trên 50% | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố |